NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THEO IFRS 18: GÓC NHÌN TỪ DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT

ThS. Mai Thị Bích Ngọc[1]* - ThS. Ngô Đức Mạnh[1]

IFRS 18 thay thế IAS 1 và thiết lập các yêu cầu mới về trình bày và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Bài viết phân tích các thay đổi trọng yếu của IFRS 18 đối với thông tin kết quả hoạt động, bao gồm việc phân loại thu nhập và chi phí theo các nhóm hoạt động (operating categories), chuẩn hóa các chỉ tiêu lợi nhuận trung gian bắt buộc (mandatory subtotals), và yêu cầu công bố các Thước đo hiệu quả hoạt động do Ban điều hành xác định (Management Performance Measures - MPMs). Kết quả nghiên cứu cho thấy IFRS 18 góp phần nâng cao tính minh bạch, khả năng so sánh và chất lượng thông tin tài chính phục vụ ra quyết định của nhà đầu tư. Trên cơ sở đó, bài viết minh họa việc lập Báo cáo lãi hoặc lỗ (Statement of profit or loss) theo IFRS 18 thông qua trường hợp giả định tại Công ty Cổ phần Sản xuất ABC và đưa ra một số khuyến nghị đối với các doanh nghiệp sản xuất niêm yết tại Việt Nam.

• Từ khóa: *IFRS 18; báo cáo lãi hoặc lỗ; công bố thông tin; operating profit; MPMs; doanh nghiệp niêm yết.*

IFRS 18 replaces IAS 1 and introduces new requirements for the presentation and disclosure of financial statements. This paper examines key changes in financial performance reporting, including classification of income and expenses into operating categories, introduction of mandatory subtotals, and disclosure of Management Performance Measures (MPMs). The findings indicate that IFRS 18 enhances transparency, comparability, and decision-usefulness of financial reporting. A hypothetical case of ABC Manufacturing Joint Stock Company is used to illustrate the preparation of the statement of profit or loss under IFRS 18.

• Key words: *IFRS 18; financial performance reporting; operating profit; mandatory subtotals; management performance measures (MPMs).*

Ngày nhận bài: 19/4/2026
Ngày gửi phản biện: 26/5/2026
Ngày duyệt đăng: 03/6/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i315.13

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh yêu cầu minh bạch ngày càng cao trên thị trường vốn, việc cải thiện chất lượng trình bày thông tin tài chính trở thành ưu tiên của các nhà hoạch định chuẩn mực kế toán. Thông tin về kết quả hoạt động là một trong những nội dung trọng yếu của báo cáo tài chính, đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ nhà đầu tư đánh giá khả năng tạo lợi nhuận và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng IAS 1 cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa các doanh nghiệp trong cách trình bày kết quả hoạt động, đặc biệt đối với các chỉ tiêu lợi nhuận trung gian và các thước đo hiệu quả hoạt động do Ban điều hành xác định. Điều này làm giảm khả năng so sánh và tính hữu ích của thông tin tài chính đối với người sử dụng.

Nhằm khắc phục những hạn chế trên, tháng 4 năm 2024, Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IASB) đã ban hành IFRS 18 - Presentation and Disclosure in Financial Statements, có hiệu lực từ ngày 01/01/2027. IFRS 18 đưa ra các yêu cầu mới về phân loại thu nhập và chi phí theo các danh mục trình bày, quy định các chỉ tiêu trung gian bắt buộc và yêu cầu công bố các Thước đo hiệu quả hoạt động do Ban điều hành xác định (Management Performance Measures - MPMs).

IFRS 18 được xây dựng nhằm cải thiện tính minh bạch và khả năng so sánh của thông tin kết quả hoạt động, qua đó cung cấp cho nhà đầu tư cơ sở nhất quán hơn để phân tích và so sánh hiệu quả hoạt động giữa các doanh nghiệp *(IFRS Foundation, 2024b)*. Việc nâng cao chất lượng công bố thông tin được xem là một cơ chế quan trọng nhằm giảm bất cân xứng thông tin giữa doanh nghiệp và nhà đầu tư trên thị trường vốn *(Healy & Palepu, 2001)*.

Tại Việt Nam, lộ trình áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế đang đặt ra yêu cầu nghiên cứu và chuẩn bị đối với các chuẩn mực IFRS mới, trong đó có IFRS 18. Đối với các doanh nghiệp sản xuất niêm yết, việc hiểu rõ tác động của chuẩn mực này có ý nghĩa quan trọng trong quá trình hoàn thiện hệ thống thông tin kế

[1] *Học viện Tài chính*
** Tác giả liên hệ, email: maibichngoc@hvtc.edu.vn*

toán, quy trình lập báo cáo tài chính và cơ chế công bố thông tin.

Mặc dù IFRS 18 đã nhận được nhiều sự quan tâm từ giới học thuật và thực hành kế toán quốc tế, các nghiên cứu trong nước hiện chủ yếu tập trung vào việc giới thiệu nội dung chuẩn mực, trong khi các phân tích về tác động đối với chất lượng công bố thông tin và minh họa áp dụng trong bối cảnh doanh nghiệp sản xuất còn tương đối hạn chế. Trên cơ sở đó, bài viết phân tích những thay đổi trọng yếu của IFRS 18 liên quan đến thông tin kết quả hoạt động, minh họa việc áp dụng thông qua trường hợp giả định tại Công ty Cổ phần Sản xuất ABC và đề xuất một số hàm ý đối với doanh nghiệp sản xuất niêm yết tại Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu kết hợp nghiên cứu tình huống. Các quy định của IFRS 18 được phân tích và đối chiếu với IAS 1 nhằm xác định các thay đổi ảnh hưởng đến thông tin kết quả hoạt động. Trên cơ sở đó, tình huống giả định tại Công ty Cổ phần Sản xuất ABC được xây dựng để minh họa việc phân loại khoản mục, xác định các chỉ tiêu trung gian bắt buộc và công bố MPM theo IFRS 18 *(IFRS Foundation, 2021a; IFRS Foundation, 2024a).*

3. IFRS 18 và những thay đổi đối với thông tin kết quả hoạt động

3.1. IFRS 18 và những thay đổi so với IAS 1:

IFRS 18 - Presentation and Disclosure in Financial Statements được IASB ban hành tháng 4 năm 2024 và thay thế IAS 1 - Presentation of Financial Statements. Chuẩn mực này là kết quả của Dự án Primary Financial Statements nhằm nâng cao tính minh bạch, khả năng so sánh và tính hữu ích của thông tin tài chính đối với nhà đầu tư *(IFRS Foundation, 2024a; IFRS Foundation, 2024b).*

Mục tiêu cốt lõi của IFRS 18 là tăng cường tính minh bạch, khả năng so sánh và tính hữu ích của thông tin được trình bày trên báo cáo tài chính *(IFRS Foundation, 2024b).* Chuẩn mực hướng tới việc chuẩn hóa cách thức trình bày kết quả hoạt động kinh doanh, giảm sự khác biệt trong thực tiễn áp dụng giữa các doanh nghiệp, đồng thời tăng cường yêu cầu công bố các chỉ tiêu hiệu quả hoạt động mà Ban điều hành sử dụng trong quá trình quản trị doanh nghiệp.

IFRS 18 được áp dụng đối với tất cả doanh nghiệp lập báo cáo tài chính theo IFRS, bao gồm cả báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ. Chuẩn mực có hiệu lực bắt buộc đối với các kỳ báo cáo thường niên bắt đầu từ ngày 01/01/2027 và cho phép áp dụng sớm nếu doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ các yêu cầu liên quan *(IFRS Foundation, 2024a).*

So với IAS 1, IFRS 18 đưa ra ba nhóm thay đổi có ý nghĩa nền tảng:

Thứ nhất, chuẩn mực yêu cầu phân loại thu nhập và chi phí theo các danh mục hoạt động được chuẩn hóa.

Thứ hai, IFRS 18 quy định một số chỉ tiêu trung gian bắt buộc trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhằm nâng cao khả năng so sánh giữa các doanh nghiệp.

Thứ ba, chuẩn mực đưa các Thước đo hiệu quả hoạt động do Ban điều hành xác định (MPMs) vào phạm vi công bố bắt buộc trên báo cáo tài chính.

Những thay đổi này phản ánh xu hướng chuyển dịch từ cách tiếp cận tập trung vào hình thức trình bày sang cách tiếp cận chú trọng hơn đến chất lượng thông tin và nhu cầu ra quyết định của người sử dụng báo cáo tài chính.

Bảng so sánh một số nội dung trọng yếu giữa IAS 1 và IFRS 18

Nội dung	IAS 1	IFRS 18
Lợi nhuận hoạt động	Không định nghĩa	Chỉ tiêu bắt buộc
Phân loại thu nhập, chi phí	Không chuẩn hóa	Chuẩn hóa theo danh mục
Thước đo hiệu quả hoạt động do Ban điều hành xác định (MPM)	Không quy định	Công bố bắt buộc
Tổng hợp và phân tách thông tin (Aggregation and Disaggregation)	Hướng dẫn hạn chế	Hướng dẫn chi tiết

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ IFRS Foundation, 2021a và IFRS Foundation, 2024a

Bảng so sánh cho thấy IFRS 18 không làm thay đổi nguyên tắc ghi nhận và đo lường các giao dịch kinh tế mà tập trung nâng cao chất lượng trình bày và công bố thông tin. Các thay đổi liên quan đến phân loại thu nhập, chi phí, chỉ tiêu trung gian bắt buộc và công bố MPM góp phần tăng cường tính minh bạch và khả năng so sánh của báo cáo tài chính.

3.2. Các thay đổi trọng tâm đối với Báo cáo kết quả hoạt động

Trước khi IFRS 18 được ban hành, nhiều doanh nghiệp tự xây dựng chỉ tiêu lợi nhuận hoạt động theo các cách khác nhau. Nghiên cứu của IASB cho thấy nhiều doanh nghiệp công bố chỉ tiêu Operating Profit nhưng sử dụng các phương pháp xác định khác nhau, làm suy giảm khả năng so sánh của thông tin tài chính giữa các doanh nghiệp *(IFRS Foundation, 2024b).*

IFRS 18 yêu cầu phân loại thu nhập và chi phí vào các danh mục Hoạt động kinh doanh, Đầu tư và Tài trợ nhằm tách biệt kết quả từ hoạt động cốt lõi với các yếu tố liên quan đến đầu tư và cấu trúc vốn. Đồng thời, chuẩn mực quy định các chỉ tiêu trung gian bắt buộc như chỉ tiêu Lợi nhuận hoạt động (Operating Profit) và Lợi nhuận trước hoạt động tài trợ và thuế thu nhập (Profit before Financing and Income Taxes), góp phần nâng cao khả năng so sánh giữa các doanh nghiệp góp phần nâng cao khả năng so sánh giữa các doanh nghiệp *(IFRS Foundation, 2024a).*

Một thay đổi quan trọng khác là việc tăng cường các yêu cầu liên quan đến tổng hợp và phân tách thông tin. IFRS 18 tăng cường hướng dẫn về tổng hợp và phân tách thông tin (aggregation and disaggregation) nhằm bảo đảm các khoản mục trọng yếu không bị che khuất bởi mức độ tổng hợp quá cao hoặc trình bày quá chi tiết. nâng cao tính minh bạch và khả năng phân tích của báo cáo tài chính *(IFRS Foundation, 2024a).*

3.3. Thước đo hiệu quả hoạt động do Ban điều hành xác định (MPMs) và tác động đến chất lượng công bố thông tin

Một trong những điểm mới nổi bật của IFRS 18 là đưa các Thước đo hiệu quả hoạt động do Ban điều hành xác định (Management Performance Measures - MPMs) vào phạm vi công bố bắt buộc trên báo cáo tài chính. Các MPM phải được trình bày trong một thuyết minh riêng, kèm giải thích về nội dung, phương pháp xác định, mục đích sử dụng và đối chiếu với chỉ tiêu IFRS tương ứng gần nhất theo yêu cầu của chuẩn mực *(IFRS Foundation, 2024a).*

Yêu cầu này góp phần nâng cao tính minh bạch, khả năng kiểm chứng và khả năng so sánh của thông tin tài chính được công bố *(International Accounting Standards Board, 2024).*

3.4. Một số lưu ý đối với doanh nghiệp sản xuất khi chuyển đổi từ IAS 1 sang IFRS18

Việc áp dụng IFRS 18 không chỉ là thay đổi cách trình bày báo cáo tài chính mà còn đòi hỏi doanh nghiệp phải đánh giá lại hệ thống thông tin kế toán và quy trình báo cáo hiện hành. Khi chuyển đổi sang IFRS 18, doanh nghiệp cần rà soát việc phân loại thu nhập và chi phí, xác định các MPM đang sử dụng và chuẩn bị dữ liệu so sánh theo yêu cầu áp dụng hồi tố của IAS 8 *(IFRS Foundation, 2021b).* Việc triển khai hiệu quả IFRS 18 góp phần nâng cao tính minh bạch, khả năng so sánh và tính hữu ích của thông tin tài chính.

4. Minh họa áp dụng IFRS 18 - Giả định tại công ty cổ phần sản xuất ABC

4.1. Giới thiệu tình huống

Để minh họa tác động của IFRS 18 đối với việc trình bày thông tin kết quả hoạt động, bài viết sử dụng trường hợp giả định tại Công ty Cổ phần Sản xuất ABC. Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và phân phối thiết bị điện tử công nghiệp, lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/20X7 - năm đầu tiên giả định áp dụng IFRS 18. Công ty có cơ cấu gồm công ty mẹ, một công ty con và một công ty liên kết với tỷ lệ sở hữu 30%.

Dữ liệu kế toán ban đầu được tổng hợp từ hệ thống kế toán của ABC trước khi thực hiện phân loại theo các yêu cầu của IFRS 18 tại Bảng 1.

Bảng 1: Số liệu kế toán giả định của ABC trước phân loại theo IFRS 18 - Năm 20X7 (Tỷ đồng)

TT	Khoản mục	Số tiền	Ghi chú
1	Doanh thu bán hàng	1.200,0	Đã trừ chiết khấu, giảm giá
2	Giá vốn hàng bán	(750,0)	Trong đó KH thiết bị SX: 45,0
3	Chi phí bán hàng	(80,0)	Trong đó lương NV bán hàng: 35,0
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(65,0)	Trong đó KH VP: 5,0 tỷ; lương QL: 30,0
5	Chi phí nghiên cứu R&D	(25,0)	Tất cả tính phí ngay trong kỳ
6	Thu nhập từ đầu tư vào công ty liên kết	18,0	30% lợi nhuận công ty liên kết
7	Lãi tiền gửi ngân hàng	3,5	Tiền gửi kỳ hạn 3-6 tháng
8	Cổ tức nhận từ đầu tư cổ phiếu niêm yết	2,0	Danh mục cổ phiếu FVTPL
9	Lãi/lỗ chưa thực hiện từ danh mục cổ phiếu FVTPL	4,5	Tăng giá thị trường cuối kỳ
10	Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	12,0	Nhà kho cho thuê 10 năm
11	Khấu hao bất động sản đầu tư	(3,0)	Theo mô hình giá gốc IAS 40
12	Chi phí lãi vay trái phiếu	(28,0)	Trái phiếu phát hành 20X5, lãi suất 8%/năm
13	Chi phí lãi vay ngân hàng dài hạn	(12,0)	Khoản vay mua dây chuyền SX mới
14	Chênh lệch tỷ giá (lỗ) trên khoản vay ngoại tệ	(5,0)	Khoản vay USD, tỷ giá tăng
15	Chi phí cơ cấu lại hoạt động	(15,0)	Đóng cửa 1 phân xưởng; không thường xuyên
16	Lỗ thanh lý TSCĐ sản xuất	(2,5)	TSCĐ đã hết khấu hao
17	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(47,0)	Theo IAS 12
18	Thuế TNDN hoãn lại (chi phí)	(8,0)	

Ngoài ra, trong Báo cáo thường niên và các cuộc họp nhà đầu tư, Công ty ABC thường xuyên sử dụng chỉ tiêu Adjusted EBITDA để đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh cốt lõi. Theo quy định của IFRS 18, đây là cơ sở để xem xét việc công bố Thước đo hiệu quả hoạt động do Ban điều hành xác định (MPMs) *(IFRS Foundation, 2024a).*

4.2. Phân loại các khoản mục theo IFRS 18

Theo IFRS 18, các khoản mục thu nhập và chi phí phải được phân loại vào các danh mục thích hợp nhằm phản ánh rõ bản chất kinh tế của từng

giao dịch và nâng cao khả năng so sánh giữa các doanh nghiệp *(IFRS Foundation, 2024a).*

Trên cơ sở dữ liệu của ABC, các khoản mục được phân loại vào bốn danh mục trình bày có liên quan trong tình huống nghiên cứu gồm: Danh mục kinh doanh (Operating), Đầu tư (Investing), Tài trợ (Financing) và Thuế thu nhập (Income Taxes). Kết quả phân loại được trình bày tại Bảng 2.

Bảng 2: Phân loại khoản mục theo năm danh mục IFRS 18 - Công ty ABC năm 20X7

Khoản mục	Danh mục IFRS 18
Doanh thu bán hàng	DANH MỤC KINH DOANH
Giá vốn hàng bán	
Chi phí bán hàng	
Chi phí quản lý DN	
Chi phí R&D	
Chi phí cơ cấu lại	
Lỗ thanh lý TSCĐ SX	
Thu nhập công ty liên kết	DANH MỤC ĐẦU TƯ
Lãi tiền gửi NH	
Cổ tức cổ phiếu FVTPL	
Lãi/lỗ FVTPL (chưa thực hiện)	
Thu nhập cho thuê BĐS đầu tư	
Khấu hao BĐS đầu tư	
Chi phí lãi vay trái phiếu	DANH MỤC TÀI TRỢ
Chi phí lãi vay NH dài hạn	
Chênh lệch tỷ giá khoản vay	
Thuế TNDN (hiện hành + hoãn lại)	DANH MỤC THUẾ THU NHẬP DN

Việc phân loại cho thấy phần lớn doanh thu và chi phí phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh cốt lõi được ghi nhận trong Danh mục kinh doanh. Trong khi đó, các khoản thu nhập từ công ty liên kết, tiền gửi ngân hàng, cổ tức và bất động sản đầu tư được trình bày trong Danh mục Đầu tư; chi phí lãi vay và chênh lệch tỷ giá liên quan đến các khoản vay được trình bày trong Danh mục Tài trợ.

4.3. Xác định các chỉ tiêu bắt buộc theo IFRS18

Sau khi phân loại, Lợi nhuận hoạt động kinh doanh đạt 262,5 tỷ đồng; Lợi nhuận trước tài trợ và thuế thu nhập đạt 299,5 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế đạt 199,5 tỷ đồng.

4.4. Lập Báo cáo kết quả hoạt động theo IFRS18

Trên cơ sở kết quả phân loại và tổng hợp, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được lập theo cấu trúc trình bày của IFRS 18, trong đó thể hiện đầy đủ các chỉ tiêu trung gian bắt buộc gồm: ① Lợi nhuận hoạt động kinh doanh (Operating Profit); ② Lợi nhuận trước tài trợ và thuế thu nhập doanh nghiệp; ③ Lợi nhuận sau thuế (Profit for the Period). *(IFRS Foundation, 2024a).*

Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty Cổ phần Sản xuất ABC theo IFRS 18 được trình bày tại Bảng 3.

Bảng 3: Báo cáo kết quả hoạt động (Báo cáo lãi lỗ - Công ty Cổ phần Sản xuất ABC. Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/20X7 (Tỷ đồng)

	T/M	Năm 20X7
DANH MỤC KINH DOANH (Operating Category)		
Doanh thu bán hàng		1.200,0
Giá vốn hàng bán		(750,0)
Lãi gộp (Gross Profit)		**450,0**
Chi phí bán hàng		(80,0)
Chi phí quản lý doanh nghiệp		(65,0)
Chi phí nghiên cứu và phát triển		(25,0)
Chi phí cơ cấu lại hoạt động		(15,0)
Lỗ thanh lý tài sản cố định sản xuất		(2,5)
LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ①		**262,5**
DANH MỤC ĐẦU TƯ (Investing Category)		
Thu nhập từ công ty liên kết (P/P vốn chủ sở hữu)		18,0
Lãi tiền gửi ngân hàng		3,5
Cổ tức từ danh mục cổ phiếu đo lường theo FVTPL		2,0
Lãi chưa thực hiện từ danh mục cổ phiếu FVTPL		4,5
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư		12,0
Khấu hao bất động sản đầu tư		(3,0)
Tổng thu nhập/(chi phí) đầu tư		**37,0**
LỢI NHUẬN TRƯỚC TÀI TRỢ VÀ THUẾ TNDN ②		**299,5**
DANH MỤC TÀI TRỢ (Financing Category)		
Chi phí lãi vay trái phiếu		(28,0)
Chi phí lãi vay ngân hàng dài hạn		(12,0)
Lỗ chênh lệch tỷ giá từ khoản vay ngoại tệ		(5,0)
Tổng chi phí tài trợ		**(45,0)**
DANH MỤC THUẾ TNDN (Income Taxes Category)		
Chi phí thuế TNDN hiện hành		(47,0)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(8,0)
Tổng chi phí thuế TNDN		**(55,0)**
LỢI NHUẬN SAU THUẾ ③ (Profit for the Period)		**199,5**
Phân bổ lợi nhuận:		
- Cổ đông công ty mẹ		185,5
- Cổ đông không kiểm soát (NCI)		14,0
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		**199,5**

Nguồn: Tác giả xây dựng trên cơ sở IFRS Foundation, 2024a

Kết quả đối chiếu cho thấy các chỉ tiêu trung gian và lợi nhuận sau thuế được xác định nhất quán với số liệu kế toán ban đầu, bảo đảm tính đầy đủ và chính xác của quá trình chuyển đổi.

4.5. Minh họa công bố MPM:

4.5.1. Xác định MPM:

Một chỉ tiêu được coi là MPM khi phản ánh quan điểm của Ban điều hành về kết quả hoạt động và đáp ứng các điều kiện quy định trong IFRS 18 *(IFRS Foundation, 2024a).*

Tại ABC, chỉ tiêu Adjusted EBITDA được sử dụng thường xuyên trong Báo cáo thường niên và các cuộc họp nhà đầu tư nhằm phản ánh khả năng

tạo thu nhập từ hoạt động kinh doanh cốt lõi. Do đó, chỉ tiêu này đáp ứng các điều kiện để được xác định là một MPM theo IFRS 18.

4.5.2. Bảng đối chiếu MPM:

IFRS 18 quy định doanh nghiệp phải đối chiếu MPM với chỉ tiêu IFRS gần nhất (IFRS Foundation, 2024a). Đối với ABC, chỉ tiêu tham chiếu là Lợi nhuận hoạt động kinh doanh(Operating Profit). Bảng đối chiếu được trình bày tại Bảng 4.

Bảng 4: Bảng đối chiếu MPM - Adjusted EBITDA (Tỷ đồng)

Khoản mục đối chiếu	Số tiền	Giải thích
Lợi nhuận Hoạt động KD (Operating Profit) ①	**262,5**	Chỉ tiêu bắt buộc IFRS 18 - đoạn 70
Cộng: Khấu hao TSCĐ sản xuất (trong COGS)	45,0	Chi phí không dùng tiền - Trích từ COGS
Cộng: Khấu hao TSCĐ văn phòng (trong G&A)	5,0	Chi phí không dùng tiền - Trích từ G&A
= Operating EBITDA (Chỉ tiêu không phải MPM theo đoạn 118(b))	**312,5**	Khớp với định nghĩa đoạn 118(b) IFRS 18
Cộng: Chi phí cơ cấu lại hoạt động	15,0	Được loại trừ - không thường xuyên, Ban QL xem là bất thường
Cộng: Lỗ thanh lý TSCĐ sản xuất	2,5	Được loại trừ - phi định kỳ, không thuộc hoạt động cốt lõi
= ADJUSTED EBITDA [MPM - đoạn 117]	**330,0**	Thước đo hiệu suất do Ban quản lý xác định

Kết quả cho thấy Adjusted EBITDA của ABC trong năm 20X7 đạt 330 tỷ đồng. Đối với ABC, Adjusted EBITDA được xác định trên cơ sở Operating Profit và các điều chỉnh phản ánh quan điểm quản trị của Ban điều hành. Các điều chỉnh này không phải là yêu cầu bắt buộc theo IFRS 18 mà được doanh nghiệp sử dụng như một MPM nhằm hỗ trợ đánh giá hiệu quả hoạt động cốt lõi.

4.6. Thuyết minh chi phí theo bản chất:

Ngoài yêu cầu công bố MPM, IFRS 18 còn yêu cầu doanh nghiệp trình bày bổ sung các khoản chi phí trọng yếu theo bản chất khi lựa chọn phương pháp trình bày chi phí theo chức năng. Yêu cầu này góp phần nâng cao tính minh bạch và khả năng phân tích của báo cáo tài chính *(IFRS Foundation, 2024a).*

5. Thảo luận

IFRS 18 không làm thay đổi việc ghi nhận hay đo lường các giao dịch kinh tế, nhưng làm thay đổi đáng kể cách thức trình bày thông tin tài chính, từ đó giúp nhà đầu tư hiểu rõ hơn nguồn hình thành lợi nhuận và nâng cao khả năng so sánh giữa các doanh nghiệp *(IFRS Foundation, 2024b).* Kết quả nghiên cứu cho thấy IFRS 18 góp phần nâng cao khả năng so sánh của thông tin kết quả hoạt động thông qua việc chuẩn hóa các danh mục trình bày và các chỉ tiêu trung gian bắt buộc, đặc biệt là chỉ tiêu Lợi nhuận hoạt động (Operating Profit).

Bên cạnh đó, yêu cầu công bố MPM giúp tăng cường tính minh bạch đối với các chỉ tiêu hiệu quả hoạt động thường được doanh nghiệp sử dụng trong truyền thông với nhà đầu tư. Việc đối chiếu với chỉ tiêu IFRS tương ứng giúp nâng cao khả năng kiểm chứng và hạn chế nguy cơ điều chỉnh thông tin theo hướng có lợi cho doanh nghiệp *(International Accounting Standards Board, 2024).*

Tuy nhiên, việc triển khai IFRS 18 tại Việt Nam đòi hỏi doanh nghiệp phải rà soát hệ thống tài khoản, cơ chế phân loại khoản mục và quy trình quản lý MPM. Đồng thời, yêu cầu áp dụng hồi tố có thể làm gia tăng chi phí chuyển đổi trong giai đoạn đầu áp dụng.

6. Kết luận và hàm ý

Kết quả nghiên cứu cho thấy IFRS 18 không làm thay đổi bản chất kinh tế của các giao dịch nhưng làm thay đổi đáng kể cách thức trình bày và công bố thông tin kết quả hoạt động. Việc chuẩn hóa các danh mục trình bày, các chỉ tiêu trung gian bắt buộc và cơ chế công bố Thước đo hiệu quả hoạt động do Ban điều hành xác định (MPMs) được kỳ vọng sẽ góp phần nâng cao chất lượng thông tin tài chính và khả năng so sánh giữa các doanh nghiệp.

Đối với các doanh nghiệp sản xuất niêm yết tại Việt Nam, việc chuẩn bị hệ thống dữ liệu, quy trình phân loại khoản mục và cơ chế quản lý MPM ngay từ giai đoạn hiện nay là điều kiện quan trọng để triển khai IFRS 18 hiệu quả. Đồng thời, cơ quan quản lý, các tổ chức nghề nghiệp và cơ sở đào tạo cần tăng cường hoạt động hướng dẫn và đào tạo nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi sang IFRS trong thời gian tới.

IFRS 18 được kỳ vọng sẽ nâng cao tính minh bạch, khả năng so sánh và tính hữu ích của thông tin tài chính, qua đó hỗ trợ việc đánh giá và phân tích hiệu quả hoạt động doanh nghiệp trên thị trường vốn quốc tế *(IFRS Foundation, 2024b).*

Tài liệu tham khảo:

Healy, P. M., & Palepu, K. G. (2001). "Information asymmetry, corporate disclosure, and the capital markets: A review of the empirical disclosure literature". Journal of Accounting and Economics. 31(1-3). 405-440.

IFRS Foundation. (2021a). IAS 1 Presentation of Financial Statements. IFRS Foundation.

IFRS Foundation. (2021b). IAS 8 Accounting Policies, Changes in Accounting Estimates and Errors. IFRS Foundation.

IFRS Foundation. (2021c). IAS 12 Income Taxes. IFRS Foundation.

IFRS Foundation. (2024a). IFRS 18 Presentation and Disclosure in Financial Statements. IFRS Foundation.

IFRS Foundation. (2024b). Project Summary: IFRS 18 Presentation and Disclosure in Financial Statements. IFRS Foundation.

International Accounting Standards Board. (2024). Basis for Conclusions on IFRS 18 Presentation and Disclosure in Financial Statements. IFRS Foundation.